

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tần	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	18.864.779	2.719.803	1.036.705	159.918	103.948	1.108.505	364.217	57.604	503.793	2.200.718	5.591.496	1.456.605	309.236	3.238.255	1.319.108	460.709
1	Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố	71.087	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	71.087	-	-
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	202.854	-	-	-	-	-	14.042	-	-	-	-	-	-	188.812	-	-
3	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	502.593	10.002	45.605	-	-	-	-	-	-	-	305.719	-	305.719	141.267	-	-
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	73.370	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.304	-	-	56.066	-	-
5	Sở Tư pháp	64.929	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.749	-	-	57.180	-	-
6	Sở Công Thương	105.458	19.155	-	-	-	-	-	-	-	-	28.937	-	-	57.366	-	-
7	Sở Khoa học và Công nghệ	321.260	-	288.450	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	32.810	-	-
8	Sở Tài chính	70.205	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	70.205	-	-
9	Sở Xây dựng	2.768.426	15.044	-	-	-	-	-	-	-	356.318	2.099.676	-	-	297.388	-	-
10	Sở Giao thông vận tải	2.910.295	31.405	-	-	-	-	-	-	-	-	2.688.004	1.404.912	-	190.886	-	-
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	2.233.213	2.182.169	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	51.044	-	-
12	Sở Y tế	1.054.086	-	-	-	-	1.002.981	-	-	-	-	-	-	-	51.105	-	-
13	Sở Lao động - Thương bình và Xã hội	1.140.682	51.536	-	-	-	30.955	-	-	-	-	13.043	-	-	60.183	984.965	-
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	1.988.704	-	-	-	-	-	-	-	-	1.844.400	75.636	3.763	-	68.668	-	-
15	Sở Thông tin và Truyền thông	585.255	-	548.409	-	-	-	13.272	-	-	-	2.546	-	-	21.028	-	-
16	Sở Du lịch	69.394	-	-	-	-	-	-	-	-	-	55.270	-	-	14.124	-	-

ST T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản			
17	Sở Văn hóa và Thể thao	870.096	18.265	-	-	-	-	309.520	-	503.793	-	-	-	-	38.518	-	-
18	Sở Nội vụ	250.016	80.000	-	-	-	-	9.154	-	-	-	-	-	-	160.862	-	-
19	Thanh tra thành phố Hồ Chí Minh	63.779	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	63.779	-	-
20	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	54.271	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.925	-	-	46.346	-	-
21	Đài Tiếng nói nhân dân	57.604	-	-	-	-	-	-	57.604	-	-	-	-	-	-	-	-
22	Liên minh Hợp tác xã thành phố	5.407	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.407	-	-
23	Ban Dân tộc	24.061	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	24.061	-	-
24	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-
25	Thành Ủy	1.064.393	42.680	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.021.713	-	-
26	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh	43.328	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	43.328	-	-
27	Thành Đoàn	117.890	6.898	-	-	-	-	18.229	-	-	-	21.852	-	-	70.911	-	-
28	Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh	28.125	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	27.562	563	-
29	Hội Nông dân thành phố Hồ Chí Minh	15.787	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.929	-	-	8.858	-	-
30	Hội Cựu chiến binh thành phố Hồ Chí Minh	7.924	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.924	-	-
31	Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Nghiệp vụ Tôn Đức Thắng	7.273	7.273	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
32	Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật thành phố	6.936	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.936	-	-
33	Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị thành phố	6.359	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.359	-	-
34	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật thành phố	10.142	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.142	-	-
35	Hội Nhà văn thành phố	4.353	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.353	-	-

[illegible]

[illegible]

ST T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
74	Hội Khoa học, kỹ thuật và xây dựng thành phố	236	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	236	-	-
75	Hội Lâm vườn và trang trại thành phố	282	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	282	-	-
76	Hội Sinh vật cảnh thành phố	260	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	260	-	-
77	Hội Y học thành phố	348	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	348	-	-
78	Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thành phố	8.906	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.906	-	-
79	Lực lượng thanh niên xung phong	423.868	12.223	-	-	-	-	-	-	-	-	78.065	-	-	-	333.580	-
80	Hiệp hội doanh nghiệp thành phố	966	-	-	-	-	-	-	-	-	-	966	-	-	-	-	-
81	Trung tâm điều khiển đèn tín hiệu giao thông	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
82	Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh	63.573	-	-	-	-	-	-	-	-	-	63.573	-	-	-	-	-
83	Ban Quản lý Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc	35.041	-	-	-	-	-	-	-	-	-	35.041	-	-	-	-	-
84	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh	79.792	4.228	41.389	-	-	-	-	-	-	-	7.606	-	-	26.569	-	-
85	Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh	94.201	8.935	62.894	-	-	-	-	-	-	-	12.485	-	-	9.887	-	-
86	Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp thành phố	4.083	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.083	-	-
87	Viện nghiên cứu phát triển thành phố	56.862	-	49.958	-	-	-	-	-	-	-	6.904	-	-	-	-	-
88	Ban An toàn giao thông thành phố	3.518	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.518	-	-

[illegible]